TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-HNGĐ	*Hương Khê, ngày 10 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Bích Khuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2023 về việc "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* UBND xã T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ trụ sở: Thôn 9, xã T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu: Ông Ngô Xuân T; chức vụ: Chủ tịch UBND xã T, là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn H; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã X, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt tại phần thủ tục phiên họp; vắng mặt từ phần trình bày ý kiến).

+ Chị Nguyễn Thị H1; nơi thường trú: Thôn T, xã X, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ cư trú hiện tại: 1155/10A Tỉnh lộ X khu phố Y, phường B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt, đề ngày 08/5/2023).

+ Anh Lê Hồng N; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt (không rõ lí do).

+ UBND xã X, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ trụ sở: Xã X, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Hương Xuân, huyện Hương Khê: Ông Trịnh Xuân T; chức vụ: Chủ

tịch UBND xã X, là người đại diện theo pháp luật, ủy quyền cho ông Phan Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã X tham gia tố tụng tại phiên họp (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2023); có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 30/3/2023; văn bản trình bày ý kiến đề ngày 18/4/2023 và tại phiên họp đại diện người yêu cầu UBND xã T, huyện Hương Khê trình bày:

Ngày 18/01/2023, anh Lê Hồng N; sinh năm 1986; địa chỉ thôn 2, xã T, huyện Hương Khê và chị Nguyễn Thị H1; sinh năm 1984; địa chỉ thôn T, xã X, huyện Hương Khê đến tại trụ sở UBND xã Hương Thủy để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Qua kiểm tra hồ sơ, chị H1 và anh N đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nên cán bộ Tư pháp - Hộ Tịch xã đã thực hiện việc đăng ký kết hôn và UBND xã T, huyện Hương Khê đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị H1 và anh N theo đúng quy định.

Trên cơ sở đơn tố cáo của anh Nguyễn Văn H trú tại thôn T, xã X, vào ngày 27/02/2023 UBND xã X, huyện Hương Khê đã liên hệ, xác minh quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H với chị Nguyễn Thị H1. Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại UBND xã T, huyện Hương Khê thì sổ lưu đăng ký kết hôn năm 2006 đã bị thất lạc nên không có hồ sơ lưu việc đăng ký kết hôn của chị H1 và anh H.

Qua nắm bắt thông tin từ UBND xã X cung cấp thì được biết chị H1 và anh H có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hương Khê vào năm 2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2006 do UBND xã T, huyện Hương Khê cấp ngày 09/02/2006 (Anh H cung cấp giấy chứng nhận kết hôn bản gốc), đến nay chưa ly hôn. Nhận thấy việc chị H1 đang có chồng là anh H, chưa ly hôn nhưng vẫn đề nghị UBND xã T, huyện Hương Khê đăng ký kết hôn với anh N vào ngày 18/01/2023 là trái pháp luật. Do đó, UBND xã T, huyện Hương Khê có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hương Khê huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Hồng N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2023 ngày 18/01/2023 của UBND xã T.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 04/GT-UBND ngày 16/4/2023 và tại phiên họp đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã X, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trình bày:

Ngày 16/01/2023, chị Nguyễn Thị H1 đến trực tiếp tại UBND xã X, huyện Hương Khê xuất trình căn cước công dân và nộp tờ khai để xin xác nhận tình trạng hôn nhân. Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch đã vào sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, nhập dữ liệu liên quan lên hệ thống thông tin quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, trình Chủ tịch UBND xã X, huyện Hương Khê ký giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 04/UBND-XNTTHN ngày 16/01/2023 và cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị H1. Nội dung xác nhận về tình trạng hôn nhân: "Hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai"; giấy này được sử dụng để: "Đăng ký kết

hôn với anh Lê Hồng N, sinh ngày 20/8/1986, CCCD số 0420861016569, trú tại xã T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh".

Đến ngày 23/02/2023, UBND xã X, huyện Hương Khê nhận được đơn của anh Nguyễn Văn H, công dân xã X, huyện Hương Khê với nội dung trình bày: Anh H và chị H1 là vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2006, ngày 09/02/2006 của UBND xã T, huyện Hương Khê, quá trình chung sống anh H và chị H1 có 02 người con chung. Đến nay anh, chị chưa ly hôn nhưng chị H1 đã đăng ký kết hôn với người khác tại UBND xã T, huyện Hương Khê.

Qua kiểm tra giấy chứng nhận kết hôn do anh H xuất trình và xác minh thông tin về tình trạng hôn nhân của chị H1 và anh H tại UBND xã T, huyện Hương Khê thấy thông tin anh H cung cấp là đúng thực tế. Do chủ quan, thiếu kiểm tra nên UBND xã X, huyện Hương Khê đã xác nhận về tình trạng hôn nhân của chị H1 là "Hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai". Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã X trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của công dân. Dẫn đến sự việc UBND xã T, huyện Hương Khê tiến hành đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Hồng N vào ngày 18/01/2023 là trái pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Hồng N đúng như yêu cầu của UBND xã T, huyện Hương Khê.

Tại biên bản làm việc đề ngày 19/4/2023; đơn đề nghị giải quyết hôn nhân đề ngày 16/4/2023, anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị H1 có mối quan hệ là vợ chồng, quá trình chung sống giữa anh và chị H1 có 02 người con chung tên là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 24/12/2006 và Nguyễn Thái S, sinh ngày 24/8/2013. Từ năm 2016 chị H1 đi miền nam làm ăn, đến năm 2019 thì anh vào miền nam cùng với chị H1 nhưng do điều kiện các con còn quá nhỏ nên được một thời gian ngắn anh về quê làm ăn nuôi con, còn chị H1 tiếp tục ở lại miền nam. Việc UBND xã X, huyện Hương Khê xác nhận không đúng thực tế tình trạng hôn nhân của chị H1, để chị H1 đăng ký kết hôn với người đàn ông khác đã gây hậu quả làm gia đình anh tan nát, phá vỡ hạnh phúc gia đình. Do đó, anh H đề nghị Tòa án xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Hồng N. Đồng thời, đề nghị xử lý cán bộ sai phạm; đề nghị bên vi phạm bồi thường tổn thất về tinh thần và vật chất cho anh H cùng 2 con; đề nghị chị H1 trả khoản tiền đang nợ cho ngân hàng CSXH.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 08/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị khẳng định nội dung sự việc như ý kiến trình bày của anh H, đại diện UBND xã X và yêu cầu của UBND xã T là đúng. Bản thân chị và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006, quá trình chung sống giữa chị và anh H nảy sinh mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Do chị không nhớ rõ trước đây chị có đăng kết hôn với anh H hay không nên khi liên hệ với UBND

xã X, huyện Hương Khê để xin xác nhận tình trạng hôn nhân thì chị đã khai tại tờ khai xin xác nhận tình trạng hôn nhân là chưa đăng ký kết hôn với ai. Sau khi được UBND xã X cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 04/UBND-XNTTHN ngày 16/01/2023 thì chị cùng với anh N đã liên hệ, đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T. Nay UBND xã T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh N thì chị đề nghị Tòa án giải quyết sự việc theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hồng N: Không có ý kiến trình bày gửi Tòa án và vắng mặt tại phiên họp không rõ lý do.

Ngày 25/4/2023, Tòa án về trực tiếp xã T, huyện Hương Khê để tiến hành lấy lời khai anh Lê Hồng N nhưng anh N không có mặt ở nhà nên không tiến hành lấy lời khai được. Kết quả xác minh về nơi cư trú của anh N tại Công an xã T, huyện Hương Khê, thể hiện anh Lê Hồng N có đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện tại tại thôn 2, xã T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và người tham gia tố tụng: Thẩm phán giải quyết việc dân sự, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Người yêu cầu UBND xã T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã X, anh H, chị H1 có ý kiến trình bày, nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét. Tại phiên họp vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đề nghị Thẩm phán căn cứ khoản 3 Điều 367, khoản 2 Điều 369 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt những người này theo quy định.

2. Về nội dung yêu cầu: Căn cứ Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Thẩm phán chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của UBND xã T về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H1 và anh N. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, UBND xã T, huyện Hương Khê không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về quyền yêu cầu, thẩm quyền giải quyết: UBND xã T, huyện Hương Khê có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Hồng N quy định tại Điều 8, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình; chị H1 và anh N đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hương Khê, do đó Tòa án nhân

dân huyện Hương Khê thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý việc dân sự Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt; anh Lê Hồng N vắng mặt không rõ lí do; anh Nguyễn Văn H1 có mặt tại phần thủ tục, vắng mặt tại phần trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên theo quy định tại khoản 3 Điều 367 và khoản 2 Điều 369 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận anh H và chị H1 trên cơ sở tự do, tự nguyện cùng nhau thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hương Khê và đã được UBND xã T, huyện Hương Khê cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2006, vào ngày 09/02/2006; quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 24/12/2006 và Nguyễn Thái S, sinh ngày 24/8/2013 và hiện các con đang sống với anh H cư trú tại xã X; kể từ năm 2019, anh H và chị H1 sống ly thân nhau, đến nay chưa làm thủ tục ly hôn. Xét thấy, lời trình bày của các đương sự hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh của các con và sổ hộ khẩu gia đình của anh H, chị H1; phù hợp với thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của chị Nguyễn Thị H1 có chồng là anh Nguyễn Văn H. Vì vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H theo Giấy đăng ký kết hôn số 02, quyển số 01/2006, ngày 09/02/2006 của UBND xã T là hôn nhân hợp pháp.

[4] Việc UBND xã X, huyện Hương Khê chỉ căn cứ vào tờ khai của chị Nguyễn Thị H1 mà không kiểm tra, xác minh thông tin khác để cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 04/UBND-XNTTHN ngày 16/01/2023 cho chị Nguyễn Thị H1 có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã, với nội dung xác nhận về tình trạng hôn nhân: "Hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai" và giấy này được sử dụng để: "Đăng ký kết hôn với anh Lê Hồng N..." là không bảo đảm về thủ tục, không đúng với nội dung tình trạng hôn nhân hiện tại của chị Nguyễn Thị H1; dẫn đến ngày 18/01/2023, chị H1 và anh N thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hương Khê và được UBND xã T, huyện Hương Khê cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2023 ngày 18/01/2023 là vi phạm quy định về điều kiện kết hôn *"Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác..."* được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, xét thấy việc chấp nhận đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Hồng N của UBND xã T, huyện Hương Khê là hoàn toàn có căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Đối với các ý kiến đề nghị của anh Nguyễn Văn H về xử lý cán bộ sai phạm; bồi thường tổn thất về vật chất, tinh thần; buộc chị H1 trả nợ ngân hàng... không thuộc phạm vi giải quyết trong việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật này, nên Tòa án không xem xét.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu nào khác thuộc phạm vi giải quyết trong việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật này, nên Tòa án không xem xét.

[6] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu UBND xã T, huyện Hương Khê không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 361, khoản 3 Điều 367, khoản 2 Điều 369, khoản 1 Điều 149, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của UBND xã T, huyện Hương Khê:

- Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Hồng N, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2023 ngày 18/01/2023 của UBND xã T, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Hồng N chấm dứt quan hệ vợ chồng, kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: UBND xã T, huyện Hương Khê không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Hà Tĩnh có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Hương Khê;
- UBND huyện Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng